TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST Ngày: 07-5-2018 V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản giữa ông N với bà Đ	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành

2. Ông Huỳnh Kim Sơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Quyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn N, sinh năm: 1965 (có mặt);
Địa chỉ: Số Y, Tổ X, Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm: 1967 (có mặt);
Địa chỉ: Số Y, Tổ X, Khu phố C, thị trấn C , huyện C, tỉnh Long An.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị C - Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị C - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An (có mặt);
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Anh Ngô Phúc V, sinh năm: 1988 (có mặt);
Địa chỉ: Số Y, Tổ X, Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.
3.2. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1963 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Long An.
3.3. Bà Văn Thị S, sinh năm: 1945 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Văn N trình bày: Ông và bà Nguyễn Ngọc Đ cưới nhau vào tháng 10/1987, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì tính tình không hợp nhau, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông và bà Đ đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Ngọc Đ.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Ngô Phúc V, sinh ngày 23/10/1988, Ngô Thị T, sinh ngày 27/4/1996, hiện nay hai con đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu.

Về chia tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án ông có yêu cầu đo đạc và định giá nhà đất có tranh chấp. Sau khi có kết quả đo đạc ông và bà Đ đều đồng ý với mảnh trích đo địa chính số 01-2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển đô thị M được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 25/8/2017 và đồng ý giá đất theo Chứng thư thẩm định giá ngày 19/3/2018 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá M thì tại các thửa đất số 31, 32, 33, 35 có giá là 308.000 đồng/m^2, giá nhà là 226.850.700 đồng. Ông và bà Đ đã thỏa thuận với nhau về chia tài sản trước khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử như sau:

Đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 1, diện tích 1220.3m^2, loại đất lúa, tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336945 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 1127.1m^2 gồm khu B1, diện tích 295.6m^2 + khu B2, diện tích 267.4m^2 + khu B3, diện tích 148.6m^2 + khu B4, diện tích đất 415.5m^2. Ông được chia sử dụng diện tích đất 415.5m^2 có vị trí tại khu B4 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất 711.6m^2 có vị trí tại khu B1, diện tích 295.6m^2 + khu B2, diện tích 267.4m^2 + khu B3, diện tích 148.6m^2 theo trích đo.

Đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 1, diện tích 1208m^2 , loại đất lúa, tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336946 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/2011 cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 1151.8m^2 gồm khu A1, diện tích 576.2m^2 + khu A2, diện tích 77.2m^2 + khu A3, diện tích 117m^2 + khu A4, diện tích 37.4m^2 + khu A5, diện tích 194m^2 + khu A6, diện tích 150m^2 theo trích đo và trên đất có căn nhà tường kết cấu móng, cột, đà bê tông cốt thép, mái ngói + nhà tiền chế kết cấu khung sắt thép, mái tole thiếc, một phần vách bằng

tole thiếc + lưới B40. Ông được chia sử dụng diện tích đất 576,2m^2 có vị trí tại khu A1 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất 227,2m^2 có vị trí tại khu A2, diện tích 77.2m^2 + khu A6, diện tích 150m^2 theo trích đo. Phần còn lại ông và bà Đ thống nhất chia cho con trai tên Ngô Phúc V được sử dụng diện tích đất 348.4m^2 có vị trí tại khu A 3, diện tích 117m^2 + khu A 4, diện tích 37.4m^2 + khu A 5, diện tích 194m^2 theo trích đo và được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà căn nhà tường kết cấu móng, cột, đà bê tông cốt thép, mái ngói + nhà tiền chế kết cấu khung sắt thép, mái tole thiếc, một phần vách bằng tole thiếc + lưới B40 gắn liền trên đất có vị trí tại khu A3 +A4 theo trích đo.

Đối với thửa đất 33, tờ bản đồ số 1, diện tích 2721.3m^2 , tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336947 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 2688m^2 gồm khu C1, diện tích 1344m^2 + khu C2, diện tích 1344m^2. Ông được chia sử dụng diện tích đất 1344m^2 có vị trí tại Khu C1 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất 1344m^2 có vị trí tại Khu C2 theo trích đo.

Đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 01, diện tích 2393.2m^2 , loại đất lúa, tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336948 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 2419m^2 gồm khu D1, diện tích 1210m^2+ D2, diện tích 1209m^2. Ông được chia sử dụng diện tích đất là 1210m^2 có vị trí tại Khu D1 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất là 1209m^2 có vị trí tại Khu D2 theo trích đo.

Như vậy, tổng diện tích đất và giá trị tài sản ông được chia sử dụng là 3545.7m^2 x 308.000đồng/m^2 = 1.092.075.600 đồng. Tổng diện tích đất và giá trị tài sản bà Đ được chia sử dụng là 3491.8m^2 x 308.000đồng/m^2 = 1.075.474.400đồng. Do ông sử dụng diện tích đất nhiều hơn bà Đ 26.95m^2 nên ông đồng ý hoàn giá trị đất chênh lệch cho bà Đ số tiền là 8.300.500 đồng.

Đối với quyền sử dụng đất số L 524320 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/11/1997 cho bà Nguyễn Ngọc Đ đứng tên thửa đất số 344, tờ bản đồ số 02, diện tích 3491m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã Phước Tuy, huyện C, tỉnh Long An có diện tích đo đạc thực tế là 3466m^2 theo trích đo. Thửa đất này mẹ của bà Đ là cụ Văn Thị S có cho ông và bà Đ ½ thửa còn ½ thửa thì cụ S bán với giá 12 chỉ 05 phân vàng 24K, ông và bà Đ đã giao vàng cho cụ S nhưng chỉ thỏa thuận miệng. Do bà Đ cũng như cụ S không thừa nhận và ông không có chứng cứ chứng minh nên ông không tranh chấp mà để bà Đ tiếp tục sử dụng.

Hiện nay các thửa đất số 31, 32, 34, 35, 344 và căn nhà có trên thửa đất số 32 đều do bà Đ đang quản lý sử dụng và bà Đ đồng ý giao lại cho ông vị trí diện tích đất mà ông được chia sử dụng và giao lại cho V căn nhà cùng với vị trí diện tích đất mà V được chia sử dụng nên ông yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Bà và ông Ngô Văn N cưới nhau vào năm 1987, không có đăng ký kết

hôn. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẩn vợ chồng do ông N cá độ đá gà, bà có khuyên N lần nhưng ông N không sửa đổi nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông N bỏ nhà đi từ năm 2009 nên bà và ông N đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay ông N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng bà cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Ngô Phúc V, sinh ngày 23/10/1988, Ngô Thị T, sinh ngày 27/4/1996, hiện nay hai con đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu.

Về chia tài sản: Bà và ông N đều đồng ý với mảnh trích đo địa chính số 01-2017 của Công ty trách nhiệm phát triển đô thị M được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 25/8/2017 và đồng ý giá đất theo Chứng thư thẩm định giá ngày 19/3/2018 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá M thì tại các thửa đất số 31, 32, 33, 35 có giá là 308.000 đồng/m^2, giá nhà là 226.850.700 đồng. Bà và ông N đã thỏa thuận với nhau về chia tài sản trước khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng như ông N đã nêu.

Đối với thửa đất số 31: Ông N được chia sử dụng diện tích đất 415.5m^2 có vị trí tại khu B4 theo trích đo. Bà được chia sử dụng diện tích đất 711.6m^2 có vị trí tại khu B1, diện tích 295.6m^2 + khu B2, diện tích 267.4m^2 + khu B3, diện tích 148.6m^2 theo trích đo.

Đối với thửa đất số 32: Ông N được chia sử dụng diện tích đất 576.2m^2 có vị trí tại khu A1 theo trích đo. Bà được chia sử dụng diện tích đất 227.2m^2 có vị trí tại khu A2, diện tích 77.2m^2 + khu A6, diện tích 150m^2 theo trích đo. Do con trai là Ngô Phúc V có công sức đóng góp trong gia đình nên bà và ông N thống nhất chia cho V được sử dụng diện tích đất 348.4m^2 có vị trí tại khu A3, diện tích 117m^2+ khu A4, diện tích 37.4m^2 + khu A5, diện tích 194m^2 theo trích đo và được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà căn nhà tường kết cấu móng, cột, đà bê tông cốt thép, mái ngói + nhà tiền chế kết cấu khung sắt thép, mái tole thiếc, một phần vách bằng tole thiếc + lưới B40 gắn liền trên đất có vị trí khu A3 +A4 theo trích đo.

Đối với thửa đất số 33: Ông N chia được sử dụng diện tích đất 1344m^2 có vị trí tại khu C1 theo trích đo. Bà được chia sử dụng diện tích đất 1344m^2 có vị trí tại khu C2 theo trích đo.

Đối với thửa đất số 35: Ông N được chia sử dụng diện tích đất là 1210m^2 có vị trí tại khu D1 theo trích đo. Bà được chia sử dụng diện tích đất là 1209m^2 có vị trí tại khu D2 theo trích đo.

Tổng diện tích đất và giá trị tài sản ông N được chia sử dụng là 3545.7m^2 x 308.000đồng/m^2 = 1.092.075.600 đồng. Tổng diện tích đất bà được chia sử dụng là 3491.8m^2 x 308.000đồng/m^2 = 1.075.474.400 đồng và bà đồng ý nhận trị giá đất chênh lệch là 8.300.500 đồng do ông N hoàn lại.

Đối với quyền sử dụng đất số L 524320 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/11/1997 cho bà Nguyễn Ngọc Đ đứng tên thửa đất số 344, tờ bản đồ số 02, diện tích 3491m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã Phước Tuy, huyện C, tỉnh Long

An có diện tích đo đạc thực tế là 3466m^2 theo trích đo. Nguồn gốc đất của ông bà để lại cho mẹ của bà là cụ Văn Thị S và bà được cụ S cho bà sử dụng chứ không có việc bà và ông N mua ½ thửa đất này. Ông N xác định không tranh chấp mà để bà tiếp tục sử dụng. Hiện nay thửa đất này bà đang cho chị của bà là bà Nguyễn Ngọc L thuê sử dụng nên giữa bà và bà L sẽ tự giải quyết với nhau. Do hiện nay các thửa đất số 31, 32, 33, 35, 344 và căn nhà có trên thửa đất số 32 đều do bà đang quản lý sử dụng nên bà đồng ý giao lại cho ông N vị trí diện tích các khu đất mà ông N được chia sử dụng và giao cho con trai là V toàn bộ căn nhà và đất chia cho V được sử dụng.

Về nợ chung: không có.

Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Phúc V trình bày: Anh là con của ông N, bà Đ và sống chung nhà của cha mẹ nên anh có công sức đóng góp trong khối tài sản của cha mẹ như lấp ao trên thửa đất số 32, sửa lại nhà của cha mẹ như nới rộng phòng ngủ, thay cửa, đổ lại máng xối, sửa lại trần nhà, cất thêm nhà tiền chế và trả một số nợ cho cha mẹ tổng cộng các khoản là 232.000.000 đồng nhưng anh không yêu cầu cha mẹ anh trả lại số tiền này mà anh chỉ yêu cầu cha mẹ chia cho một phần đất tại thửa đất số 31 diện tích khoảng 300m^2 để anh có đất cất nhà sống riêng vì anh đã có vợ và có 02 con. Anh đồng ý mảnh trích đo địa chính số 01-2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển đô thị M được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 25/8/2017 và đồng ý giá đất theo Chứng thư thẩm định giá ngày 19/3/2018 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá M thì thửa đất số 32 có giá là 308.000 đồng/m^2, giá nhà là 226.850.700 đồng. Nay anh không yêu cầu chia đất ở thửa đất số 31 nữa vì cha mẹ anh đã thống nhất chia cho anh được sử dụng diện tích đất 348.4m^2 có vị trí khu A3, diện tích 117m^2+ khu A4, diện tích 37.4m^2 + khu A5, diện tích 194m^2 tại một phần thửa đất số 32 theo trích đo và toàn bộ căn nhà gắn liền trên đất có vị trí khu A3 +A4, tổng giá trị nhà đất là 334.157.900 đồng và anh đã đồng ý trước khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên yêu cầu Tòa án công nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Văn Thị S trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Cụ là mẹ ruột của bà Nguyễn Ngọc Đ, từ nhỏ bà Đ sống với cụ và cùng cụ canh tác thửa đất 344. Cụ có cho bà Đ thửa đất 344 trước khi bà Đ lấy chồng nhưng sau này bà Đ mới đi kê khai đăng ký. Cụ khẳng định không có việc cụ bán ½ thửa đất 344 cho vợ chồng bà Đ, ông N và cụ cũng không có nhận 12 chỉ 05 phân vàng 24K từ vợ chồng Đ, N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc L trình bày tại các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án: Bà là chị ruột của bà Đ, hiện bà đang thuê thửa đất 344 của bà Đ canh tác để kiếm thu nhập lo cho mẹ bà là cụ Văn Thị S, việc thuê đất này chỉ thỏa thuận miệng nên khi nào bà Đ cần lấy lại thì bà sẽ trả lại cho bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Văn Thị S, bà Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án tống đạt hợp L các văn bản tố tụng nhưng cụ S và bà L đều có

đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Luật sư Nguyễn Thị C trình bày: Ông N và bà Đ chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng không có đăng kết kết hôn, quá trình chung sống xảy ra N mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, việc ông N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và bà Đ cũng đồng ý nên nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Ngô Phúc V, sinh ngày 23/10/1988, Ngô Thị T, sinh ngày 27/4/1996, hiện nay hai con đã trưởng thành nên bà Đ không có yêu cầu gì về con. Về chia tài sản: Do ông N, bà Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản trước khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa ông N với bà Đ như ông N, bà Đ đã nêu.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, đồng thời chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về thành phần Hội đồng xét xử so với Quyết định đưa vụ án ra xét xử có thay đổi hội thẩm nhân dân là ông Nguyễn Thành thay thế cho bà Phan Thị Hồng Diễm nhưng các đương sự đều đồng ý xét xử. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Văn Thị S, bà Nguyễn Ngọc L đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân: Xét thấy ông N và bà Đ chung sống với nhau từ năm 1987 nhưng không có đăng kết kết hôn, quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay nên việc ông N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và bà Đ cũng đồng ý nên việc ông N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Đ là có căn cứ chấp nhận. Về nuôi con chung: ông N và bà Đ có 02 con chung là Ngô Phúc V, sinh ngày 23/10/1988, Ngô Thị T, sinh ngày 27/4/1996. Do hai con đã trưởng thành nên không cần phải xem xét về trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng. Về chia tài sản: ông N, bà Đ và anh V đã thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản và việc thỏa thuận này phù hợp với pháp luật trước khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự. Về nợ chung không có nên không để cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Văn Thị S, bà Nguyễn Ngọc L đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cụ S và bà L.

Ông Ngô Văn N khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản đối với bà Nguyễn Ngọc Đ là quan hệ không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ông N và bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1987, nhưng không có đăng ký kết hôn là đã vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Từ năm 2009, ông N và bà Đ không còn chung sống với nhau cho đến nay. Ông N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và bà Đ cũng đồng ý nên yêu cầu của ông N là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Ngô Phúc V, sinh ngày 23/10/1988, Ngô Thị T, sinh ngày 27/4/1996. Do hai con đã trưởng thành, ông N, bà Đ đều không có yêu cầu nên không cần phải xem xét về trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng.

[4]. Về chia tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của các đương sự, Tòa án có trưng cầu đo đạc và định giá nhà đất có tranh chấp. Sau khi có kết quả đo đạc ông N và bà Đ, anh V đều đồng ý với mảnh trích đo địa chính số 01-2017 của Công ty trách nhiệm phát triển đô thị M được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 25/8/2017 và đồng ý giá đất theo Chứng thư thẩm định giá ngày 19/3/2018 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá M thì tại các thửa đất số 31, 32, 33, 35 có giá là 308.000 đồng/m^2; giá nhà là 226.850.700 đồng.

Do ông N, bà Đ và anh V đã thỏa thuận về việc chia tài sản với nhau trước khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên cần công nhận như sau:

Đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 1, diện tích 1220.3m^2, loại đất lúa, tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336945 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 1127.1m^2 gồm khu B1, diện tích 295.6m^2 + khu B2, diện tích 267.4m^2 + khu B3, diện tích 148.6m^2 + khu B4, diện tích 415.5m^2. Trong đó: ông N được chia sử dụng diện tích đất 415.5m^2 có vị trí tại khu B4 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất 711.6m^2 có vị trí tại khu B1, diện tích 295.6m^2 + khu B2, diện tích 267.4m^2 + khu B3, diện tích 148.6m^2 theo trích đo.

Đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 1, diện tích 1208m^2, loại đất lúa, tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336946 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 1151.8m^2 gồm khu A1, diện tích 576.2m^2 + khu A2, diện tích 77.2m^2+ khu A3, diện tích 117m^2+ khu A4, diện tích 37.4m^2 + khu A5, diện tích 194m^2 +khu A6, diện tích 150m^2. Trong đó: ông N được chia sử dụng diện tích đất 576.2m^2 có vị trí tại khu A1

theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất 227.2m^2 có vị trí tại khu A2, diện tích 77.2m^2 + khu A6, diện tích 150m^2 theo trích đo. Anh V được chia sử dụng diện tích đất 348.4m^2 có vị trí tại khu A3, diện tích 117m^2+ khu A4, diện tích 37.4m^2 + khu A5, diện tích 194m^2 theo trích đo và sở hữu toàn bộ căn nhà tường kết cấu móng, cột, đà bê tông cốt thép, mái ngói + nhà tiền chế kết cấu khung sắt thép, mái tole thiếc, một phần vách bằng tole thiếc + lưới B40 gắn liền với diện tích đất có vị trí khu A3+ khu A4 theo trích đo.

Đối với thửa đất 33, tờ bản đồ số 1, diện tích 2721.3m^2 , tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336947 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 2688m^2 gồm khu C1, diện tích 1344m^2 + khu C2, diện tích 1344m^2. Trong đó: ông N được chia sử dụng diện tích đất 1344m^2 có vị trí tại khu C1 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất 1344m^2 có vị trí tại khu C2 theo trích đo.

Đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 01, diện tích 2393.2m^2 , loại đất lúa, tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336948 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 2419m^2 gồm khu D1, diện tích 1210m^2+ D2, diện tích 1209m^2. Trong đó: ông N được chia sử dụng diện tích đất là 1210m^2 có vị trí tại khu D1 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất là 1209m^2 có vị trí tại khu D2 theo trích đo.

Đối với quyền sử dụng đất số L 524320 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/11/1997 cho bà Nguyễn Ngọc Đ đứng tên thửa đất số 344, tờ bản đồ số 02, diện tích 3491m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã Phước Tuy, huyện C, tỉnh Long An, có diện tích đo đạc thực tế là 3466m^2 theo trích đo. Nguồn gốc đất là do cụ S cho bà Đ và ông N xác định không tranh chấp mà thỏa thuận để bà Đ sử dụng nên bà Đ được quyền tiếp tục sử dụng. Hiện nay phần đất này bà Đ cho bà L thuê sử dụng, khi nào bà Đ cần lấy lại thì bà L cũng đồng ý trả lại đất cho bà Đ nhưng hiện tại bà Đ không có yêu cầu gì đối với bà L nên không xét.

Như vậy, tổng diện tích đất và giá trị tài sản ông N được chia sử dụng là 3545.7m^2 x 308.000đồng/m^2 = 1.092.075.600 đồng. Tổng diện tích đất và giá trị tài sản bà Đ được chia sử dụng là (3491.8m^2 x 308.000đồng/m^2)+ giá trị đất chênh Lch do ông N hoàn lại là 8.300.500 đồng = 1.083.774.000 đồng. Tổng diện tích đất và giá trị tài sản anh V được chia sử dụng là (348,4m^2 x 308.000 đồng/m^2) + căn nhà trị giá 226.850.700 đồng = 334.157.900 đồng.

Hiện nay, các thửa đất số 31, 32, 33, 35, 344 và căn nhà có trên thửa đất số 32 đều do bà Đ đang quản lý sử dụng và bà Đ tự nguyện đồng ý giao lại cho ông N vị trí diện tích các khu đất mà ông N được chia sử dụng, giao lại cho anh V căn nhà và vị trí diện tích khu đất mà anh V được chia sử dụng.

[5]. Về nợ chung: các đương sự đều trình bày không có nên không đề cập.

[6]. Về án phí: ông N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông N, bà Đ và anh V phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia, bà Đ còn phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với quyền sử dụng đất L 524320 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/11/1997 cho bà Đ đứng tên nhưng ông N không tranh chấp mà để cho bà Đ được quyền tiếp tục sử dụng.

[7]. Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá: Ghi nhận việc ông N tự nguyện chịu chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá là 14.170.500 đồng và ông đã nộp xong. Bà Đ tự nguyện chịu chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá là 14.170.500 đồng và số tiền này bà Đ nộp hoàn trả cho ông N.

[8]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 99 của Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn N về việc " không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản" đối với bà Nguyễn Ngọc Đ.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngô Văn N với bà Nguyễn Ngọc Đ.

2. Về chia tài sản: Công nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản giữa ông Ngô Văn N, bà Nguyễn Ngọc Đ và anh Ngô Phúc V như sau:

Đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 1, diện tích 1220.3m^2, loại đất lúa, tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336945 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 1127.1m^2 gồm khu B1, diện tích 295.6m^2 + khu B2, diện tích 267.4m^2 + khu B3, diện tích 148.6m^2 + khu B4, diện tích 415.5m^2 theo mảnh trích đo địa chính số 01-2017 của Công ty trách nhiệm phát triển đô thị M được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 25/8/2017. Trong đó: ông N được chia sử dụng diện tích đất 415.5m^2 có vị trí tại khu B4 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất 711.6m^2 có vị trí tại khu B1, diện tích 295.6m^2 + khu B2, diện tích 267.4m^2 + khu B3, diện tích 148.6m^2 theo trích đo.

Đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 1, diện tích 1208m^2, loại đất lúa, tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số BĐ 336946 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 1151.8m^2 gồm khu A1, diện tích 576.2m^2 + khu A2, diện tích 77.2m^2+ khu A3, diện tích 117m^2+ khu A4, diện tích 37.4m^2 + khu A5, diện tích 194m^2 +khu A6, diện tích 150m^2 theo mảnh trích đo địa chính số 01-2017 của Công ty trách nhiệm phát triển đô thị M được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 25/8/2017. Trong đó: ông N được chia sử dụng diện tích đất 576.2m^2 có vị trí tại khu A1 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất 227.2m^2 có vị trí tại khu A2, diện tích 77.2m^2 + khu A6, diện tích 150m^2 theo trích đo. Anh V được chia sử dụng diện tích đất 348.4m^2 có vị trí tại khu A3, diện tích 117m^2+ khu A4, diện tích 37.4m^2 + khu A5, diện tích 194m^2 theo trích đo và sở hữu toàn bộ căn nhà tường kết cấu móng, cột, đà bê tông cốt thép, mái ngói + nhà tiền chế kết cấu khung sắt thép, mái tole thiếc, một phần vách bằng tole thiếc + lưới B40 gắn liền với diện tích đất có vị trí khu A3+ khu A4 theo trích đo.

Đối với thửa đất 33, tờ bản đồ số 1, diện tích 2721.3m^2 , tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336947 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 2688m^2 gồm khu C1, diện tích 1344m^2 + khu C2, diện tích 1344m^2 theo mảnh trích đo địa chính số 01-2017 của Công ty trách nhiệm phát triển đô thị M được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 25/8/2017. Trong đó: ông N được chia sử dụng diện tích đất 1344m^2 có vị trí tại khu C1 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất 1344m^2 có vị trí tại khu C2 theo trích đo.

Đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 01, diện tích 2393.2m^2 , loại đất lúa, tọa lạc khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 336948 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/12/201Cho ông Ngô Văn N đứng tên, có diện tích đo đạc thực tế là 2419m^2 gồm khu D1, diện tích 1210m^2+ D2, diện tích 1209m^2 theo mảnh trích đo địa chính số 01-2017 của Công ty trách nhiệm phát triển đô thị M được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 25/8/2017. Trong đó: ông N được chia sử dụng diện tích đất là 1210m^2 có vị trí tại khu D1 theo trích đo. Bà Đ được chia sử dụng diện tích đất là 1209m^2 có vị trí tại khu D2 theo trích đo.

Bà Đ được tiếp tục sử dụng quyền sử dụng đất số L 524320 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/11/1997 cho bà Nguyễn Ngọc Đ đứng tên thửa đất số 344, tờ bản đồ số 02, diện tích 3491m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại xã Phước Tuy, huyện C, tỉnh Long, có diện tích đo đạc thực tế là 3466m^2 theo trích đo địa chính số 01-2017 của Công ty trách nhiệm phát triển đô thị M được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 25/8/2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc giao lại cho ông N vị trí diện tích các khu đất mà ông N được chia sử dụng, giao lại cho anh V căn nhà và vị trí diện tích khu đất mà anh V được chia sử dụng.

Ông N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đ giá trị tài sản chênh lệch số tiền là 8.300.500 đồng (*bằng chữ: Tám triệu ba trăm nghìn năm trăm đồng*).

Ông N, bà Đ được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với vị trí diện tích đất được chia như đã nêu trên. Anh V được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đúng với vị trí diện tích đất và nhà ở được chia như đã nêu trên.

3. Nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

Về án phí: Ông N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 22.257.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước. Ông N được khấu trừ vào 300.000 đồng + 14.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000139 và 0000140 cùng ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, ông N còn phải nộp tiếp số tiền 7.907.000 đồng.

Bà Đ phải nộp số tiền 22.257.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và 150.000 đồng án phí dân sự sơ sơ thẩm không có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước.

Anh V phải nộp số tiền 8.354.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước. Anh V được khấu trừ 5.800.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000253 ngày 09/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, anh V còn phải nộp tiếp số tiền 2.554.000 đồng.

5. Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông N phải nộp chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá là 14.170.500 đồng, ông N đã nộp xong. Bà Đ phải nộp chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá là 14.170.500 đồng và số tiền này bà Đ nộp hoàn trả cho ông N.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.